

Số: 156/TB-HVCSPT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học chính quy năm 2026
tại Học viện Chính sách và Phát triển – Phân hiệu tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu của Học viện Chính sách và Phát triển tại tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1607/QĐ-BGDĐT ngày 12/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Phân hiệu Học viện Chính sách và Phát triển tại tỉnh Bắc Ninh tổ chức hoạt động đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-HVCSPT ngày 12/6/2026 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Học viện Chính sách và Phát triển;

Học viện Chính sách và Phát triển (sau đây gọi tắt là Học viện) thông báo về việc tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 tại Học viện Chính sách và Phát triển – Phân hiệu tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Phân hiệu) như sau:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện chung

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo Điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện, cụ thể như sau:

(1) Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, Trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2 Phạm vi tuyển sinh: Phân hiệu tuyển sinh trong cả nước.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Phân hiệu tuyển sinh với các phương thức và chỉ tiêu như sau:

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng	1%
2	Xét tuyển theo kết quả điểm thi TN THPT năm 2026	99%
3	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT	
4	Xét tuyển kết hợp	

2.1. Xét tuyển thẳng áp dụng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) và theo quy định của Học viện, cụ thể như sau:

- Thí sinh đoạt giải Nhất, giải Nhì, giải Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, Quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2026 được xét tuyển thẳng vào ngành/chương trình đào tạo thí sinh đăng ký theo chỉ tiêu phân bổ của Học viện.

- Thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia, Quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2026, đồng thời phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành, chương trình đào tạo được xét tuyển thẳng vào các ngành theo danh mục thông báo của Học viện. Đối với các thí sinh đối tượng khác theo thông báo cụ thể của Học viện.

2.2. Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026: Học viện sử dụng 07 tổ hợp là A00 (Toán – Lý - Hóa), A01 (Toán – Lý - Anh), D01 (Toán – Văn - Anh), D07 (Toán – Hóa - Anh), C14 (Toán – Văn - Giáo dục Kinh tế và Pháp luật), X25 (Toán – Anh - Giáo dục Kinh tế và Pháp luật), X26 (Toán – Anh – Tin học).

ĐXT = Tổng điểm 3 môn tốt nghiệp THPT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:
 - Tổng điểm 3 môn tốt nghiệp THPT năm 2026 thuộc tổ hợp xét tuyển:
 - Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có CCTAQT theo quy định tại mục 4 và mục 5.

2.3. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 thuộc các tổ hợp xét tuyển của Học viện; áp dụng cho tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 của Phân hiệu. Học viện sử

dụng 07 tổ hợp là A00 (Toán – Lý - Hóa), A01 (Toán – Lý - Anh), D01 (Toán – Văn - Anh), D07 (Toán – Hóa - Anh), C14 (Toán – Văn - Giáo dục Kinh tế và Pháp luật), X25 (Toán – Anh - Giáo dục Kinh tế và Pháp luật), X26 (Toán – Anh – Tin học).

ĐXT = Tổng điểm quy đổi trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:
 - Tổng điểm quy đổi trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 thuộc tổ hợp xét tuyển:
 - Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có CCTAQT theo quy định tại mục 4 và mục 5.

2.4. Xét tuyển kết hợp áp dụng với tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 và cho các thí sinh như sau:

(1) Thí sinh có kết quả 01 điểm môn thi tốt nghiệp THPT 2026 kết hợp với 02 điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 môn còn lại thuộc tổ hợp xét tuyển.

ĐXT = Điểm 01 môn tốt nghiệp THPT + Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (môn 1) + Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (môn 2) + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:
 - Điểm 01 môn tốt nghiệp THPT năm 2026 trong tổ hợp xét tuyển.
 - Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (cả năm các lớp 10, 11, 12) tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 quy định của Học viện.
 - Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có CCTAQT theo quy định tại mục 4 và mục 5.

(2) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) từ 75 điểm trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (TSA) từ 50 điểm trở lên.

Các điểm thi HSA/TSA có thời hạn trong các năm 2024, 2025, 2026.

ĐXT = Điểm quy đổi tương đương + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:
 - Điểm quy đổi HSA/ TSA/V-ACT tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo quy định của Học viện
 - Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có CCTAQT theo quy định tại mục 4 và mục 5.

(3) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 50 trở lên hoặc TOEIC 4 kỹ năng (R&L/S&W) từ 365/240 trở lên kết hợp với 02 điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Học viện (Văn, Lý, Hóa, Tin học hoặc Giáo dục Kinh tế và Pháp luật)

ĐXT = Điểm quy đổi CCTAQT + Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (môn 1) + Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (môn 2) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:

- Điểm quy đổi CCTAQT tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo quy định của Học viện.
- Điểm quy đổi kết quả học tập THPT (cả năm các lớp 10, 11, 12) tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 quy định của Học viện.
- Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có CCTAQT theo quy định tại mục 4 và mục 5.

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức Quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào Học viện Chính sách và Phát triển năm 2026.

* **Lưu ý:** Học viện không chấp nhận đối với tất cả các chứng chỉ có hình thức thi “Home edition”.

4. Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Học viện sử dụng Bảng quy đổi đối với các thí sinh có CCTAQT như sau:

Bảng 1. Quy đổi điểm CCTAQT sang thang điểm 10

IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC (R&L/S&W)	CAMBRIDGE	Điểm quy đổi
5.0	50	463	365/240	151	9,0
5.5	61	500	450/242	160	9,2
6.0	62	505	570/260	163	9,5
6.5	63	510	685/280	166	9,8
7.0 trở lên	66 trở lên	513 trở lên	785/300 trở lên	170 trở lên	10,0

Bảng 2. Quy định mức cộng điểm khuyến khích CCTAQT đối với thí sinh không thực hiện quy đổi CCTAQT

IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC (R&L/S&W)	CAMBRIDGE	Điểm cộng khuyến khích
5.0 – 6.0	50 - 62	463 - 505	365 – 570/ 240 – 260	151 - 163	1.0
6.5 trở lên	63 trở lên	510 trở lên	685/280 trở lên	166 trở lên	1.5

5. Quy định về điểm ưu tiên và điểm cộng

- Điểm cộng được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng) đảm bảo ĐXT không lớn hơn 30 điểm.

+ Điểm thưởng (dành cho đối tượng ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT): Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT nếu không sử dụng quyền tuyển thẳng thì được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển như sau:

- Giải Nhất: cộng 2,0 điểm;
- Giải Nhì: cộng 1,5 điểm;
- Giải Ba: cộng 1,0 điểm.

+ Điểm xét thưởng: Thí sinh đạt giải trong cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành/chương trình thì được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển như sau:

- Giải Nhất: cộng 1,5 điểm;
- Giải Nhì: cộng 1,0 điểm;
- Giải Ba: cộng 0,5 điểm.

+ Điểm khuyến khích (dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ): Áp dụng đối với thí sinh có CCTAQT quốc tế và không sử dụng chứng chỉ để xét tuyển kết hợp (quy đổi điểm) tại mục 4.

- Điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng ưu tiên 1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng ưu tiên 2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

+ Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

Lưu ý: Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

6. Bảng quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức xét tuyển và các tổ hợp xét tuyển

Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT trước 17h00 ngày 10/7/2026.

7. Số lượng tuyển sinh

7.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Phân hiệu tỉnh Bắc Ninh: 450

7.2. Ngành/chương trình đào tạo

Mã xét tuyển: HCK

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
Chương trình đào tạo chuẩn							
1	7340301	Kế toán	7340301BN	Kế toán	150	A00, A01, D01, D07, C14, X25, X26	
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101BN	Quản trị kinh doanh	150	A00, A01, D01, D07, C14, X25, X26	
3	7310109	Kinh tế số	7310109BN	Kinh tế và kinh doanh số	150	A00, A01, D01, D07, C14, X25, X26	
TỔNG CỘNG					450		

8. Hồ sơ xét tuyển

8.1. Tài liệu chung

- Căn cước/ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân;
- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên từ đối tượng 01 đến 06 theo Quy chế tuyển sinh cần có minh chứng theo danh mục (Phụ lục kèm theo);
- Ảnh chụp giấy các giấy tờ minh chứng điểm thưởng và điểm khuyến khích (nếu có).

8.2. Tài liệu theo các đối tượng xét tuyển

- Ảnh chụp Học bạ THPT/ Kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 ((bản gốc hoặc bản sao công chứng).
- Ảnh chụp Giấy chứng nhận kết quả thi HSA, TSA do ĐHQG Hà Nội, ĐH Bách khoa Hà Nội cấp.

- Ảnh chụp CCTAQT (IELTS, TOEFL iBT, TOEIC) do các tổ chức quốc tế tổ chức thi và cấp chứng chỉ như: Đại học Cambridge - Vương quốc Anh (University of Cambridge ESOL); Hội đồng Anh (British Council); Tổ chức giáo dục IDP – Úc; Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Service – ETS); Tổ chức IIG – Việt Nam (không gồm các chứng chỉ thi theo hình thức Home Edition).

Lưu ý:

+ Thí sinh phải chịu trách nhiệm trước thông tin và minh chứng khi nộp hồ sơ xét tuyển. Sau khi thí sinh trúng tuyển, nhập học, Học viện sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

+ Sau khi thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến/online theo quy định và hướng dẫn của Học viện, thí sinh sẽ nhận được email xác nhận thông tin gửi tới thí sinh theo email đã đăng ký.

8.3. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí xét tuyển: **100.000** đồng/hồ sơ

- Phương thức nộp lệ phí: Chuyển khoản bằng mã định danh theo hướng dẫn.

9. Hình thức và thời gian nộp hồ sơ

- Mỗi thí sinh đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến (online) tại địa chỉ: <http://dkxt.apd.edu.vn> (Có hướng dẫn đăng ký kèm theo)

- Thời gian nộp hồ sơ:

TT	Nội dung	Thời gian
1.	Thí sinh đăng ký xét tuyển, điều chỉnh nguyện vọng (không giới hạn số lần) trực tuyến trên hệ thống của Học viện	Từ 8h00 ngày 13/6/2026 đến hết ngày 25/6/2026
2.	Học viện tiến hành kiểm tra hồ sơ đăng ký xét tuyển	Từ 8h00 ngày 13/6/2026 đến hết ngày 25/6/2026
3.	Thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng chính thức trên hệ thống của Bộ GDĐT (đây là nguyện vọng chính thức để xét tuyển).	Từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026
4.	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT	Từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026

10. Kênh thông tin tuyển sinh

Thí sinh cần theo dõi và cập nhật thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện: <https://tuyensinh.apd.edu.vn/>
- Website thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.apd.edu.vn/>
- Hotline: 0846.839.898 - 0523.333.599 – 0523.333.588
- Zalo: 0846.839.898 – 0523.333.588
- Email: quanlydaotao@apd.edu.vn
- Facebook: <https://www.facebook.com/hocvienchinhhsachphattrien/> hoặc <https://www.facebook.com/tvtsapd/> hoặc <https://www.facebook.com/HocvienCSPT>

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Thành viên HĐTS;
- Website Học viện (Đăng thông tin);
- Lưu: VT, QLĐT.

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

PHỤ LỤC

Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng

(Kèm theo Thông báo số 156/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo đúng mã trường trường THPT hoặc tương đương theo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống. Hệ thống tự động tính khu vực ưu tiên.
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1	Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền.
	Đối tượng 02: a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh. b) Quyết định xuất ngũ.
II.3	Đối tượng 03: a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Bản sao Bảng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của cơ quan có thẩm quyền cấp (Trước năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp). b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp (Trước năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp). c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp (Trước năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp).

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (Trước năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp.
II.4	Đối tượng 04: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận.
II.5	Đối tượng 05: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp (Trước năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp). c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp (Trước

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
		năm 2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp).
II.6	Đối tượng 06: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp. b) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. c) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.